

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 24 - 6 -2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Châu Hồng Nga.

Bà Trần Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; thường trú: Số 20 đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1981; thường trú: Số 20 đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và cùng nhau đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh H cấp ngày 31/8/2003.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng năm 2015 thì trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm đến gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, tụ tập bạn bè, có người phụ nữ khác.

Chị đã trao đổi với chồng, mong anh thay đổi vì con nhưng không được. Vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, anh B còn có lời lẽ xúc phạm chị. Vợ chồng chị mặc dù vẫn đang sống chung nhưng anh B ban ngày đi làm, đêm về nhà, không quan tâm đến vợ con và đã ly thân hơn một năm nay.

Nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Hồng T, sinh ngày 12/01/2004, Phạm Thị L, sinh ngày 21/11/2008 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 29/10/2018. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 5 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:*

Thông nhất anh và chị T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, tỉnh H, có tổ chức đám cưới năm 2003. Vợ chồng sống chung có hạnh phúc, tuy nhiên từ khoảng tháng 11/2020 thì chị T nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, anh có giải thích với chị T nhưng chị T không tin. Từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau và công việc của ai thì người đó làm chứ không nói chuyện, không còn chia sẻ lẫn nhau. Mặc dù cuộc sống vợ chồng có sự bất đồng, không T sự hạnh phúc nhưng do con chung còn nhỏ, tạm thời anh vẫn muốn gia đình sống đầy đủ thành viên, tới đâu hay tới đó, sau này tính tiếp.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như trình bày của chị T. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021, anh B mong muốn vợ chồng tiếp tục sống chung để nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh bận đi làm nhưng sẽ thuê người chăm sóc con đầy đủ. Tại phiên hòa giải, anh B trình bày trường hợp giải quyết ly hôn thì anh không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Biên bản xác minh ngày 12/5/2021 tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T với anh Phạm Văn B, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51,

56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 14/6/2021 và 24/6/2021, tuy nhiên anh B vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh H cấp ngày 31/8/2003 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị T xác định quá trình chung sống với nhau vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh B có người phụ nữ khác, vợ chồng chị đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được. Mặc dù anh B cho rằng việc vợ nghi ngờ anh có người khác chỉ là do hiểu lầm tuy nhiên anh B thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ. Tại bản tự khai của cháu T và cháu L thể hiện trong cuộc sống anh B và chị T thường xuyên cãi nhau. Việc các con chung phải sống trong môi trường gia đình mà cha mẹ thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tình yêu thương sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu. Quá trình hòa giải, anh B cũng không đưa ra được phương hướng để hòa giải, vun vén tình cảm vợ chồng, cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc. Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh B có 03 con chung là các cháu: Phạm Hồng T, sinh năm 2004; Phạm Thị L, sinh năm: 2008 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 29/10/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Nhận thấy trong quá trình tố tụng, các cháu T, L mong muốn được sống với mẹ vì từ nhỏ đến nay các cháu đều do mẹ chăm sóc. Đồng thời, các cháu T, L là con gái, cháu M dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Hơn nữa, chị T có việc làm và thu nhập ổn định (anh B và chị T khai mức thu nhập của chị T khoảng 10.000.000 đồng/tháng). Mặt khác, anh B thừa nhận thường xuyên đi làm từ 7 giờ 30 đến 22 giờ hàng ngày, các con từ trước đến nay chủ yếu do chị T chăm sóc, đưa đón. Anh B mong muốn được nuôi các con chung, tuy nhiên không có thời gian nên nếu được giao con sẽ phải thuê người trông nom. Các con chung của anh chị còn nhỏ, có quyền được sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét thấy giao các con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Xét đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung trong trường hợp không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T cũng phù hợp với chi phí trung bình tại địa phương và mức thu nhập của anh B (các đương sự khai thống nhất thu nhập của anh B khoảng 30.000.000 đồng/tháng). Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T về việc buộc anh B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản : Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn; anh Phạm Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 70, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Phạm Văn B về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn B (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh H cấp ngày 31/8/2003).

- Về con chung: Anh Phạm Văn B giao 03 con chung là Phạm Hồng T, sinh ngày 12/01/2004, Phạm Thị L, sinh ngày 21/11/2008 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 29/10/2018 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh B lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phạm Văn B không T hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Phạm Văn B phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049502 ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Văn B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã N,
- huyện G, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**